Người ký: PHÒNG NỘI VỤ
Email: noivu.q1@tphcm.gov.vn
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1
Thời gian ký: 19.06.2023 17:32:09 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 1 **PHÒNG NỘI VỤ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 606 /NV V/v rà soát, bổ sung và cung cấp hồ sơ đăng ký kỳ thi nâng ngạch công chức và thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2023	*Quận 1, ngày 19 tháng 6 năm 2023*

KHẨN

Kính gửi:

- Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc UBND Quận 1;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường.

Thực hiện Công văn số 2955/SNV-CCVC ngày 17 tháng 6 năm 2023 của Sở Nội vụ về việc rà soát danh sách và chỉ tiêu của kỳ thi nâng ngạch công chức và thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2023.

Nhằm đảm bảo tiến độ báo cáo Sở Nội vụ Thành phố, Phòng Nội vụ đề nghị Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 10 phường *(sau đây gọi tắt là Thủ trưởng cơ quan)* khẩn trương thực hiện các nội dung sau:

1. Thực hiện rà soát danh sách đăng ký kỳ thi nâng ngạch công chức và thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2023 theo danh sách đính kèm *(gồm 04 phụ lục)*; bổ sung, điều chỉnh chỉ tiêu *(theo mẫu số 01, 02 đính kèm)* và lập danh sách, cung cấp hồ sơ công chức, viên chức đủ điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký kỳ thi nâng ngạch công chức và thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2023 nếu có đối tượng đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện *(theo 04 mẫu phụ lục đính kèm)*.

Lưu ý:

- Thủ trưởng cơ quan chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của công chức, viên chức *(mã số, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định)* được cử tham dự kỳ thi nâng ngạch công chức và thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

- Đối với thi nâng ngạch từ ngạch nhân viên, cán sự lên ngạch chuyên viên và từ ngạch kế toán viên trung cấp lên ngạch kế toán viên chỉ cử viên chức làm việc ở bộ phận hành chính, tổng hợp, quản trị văn phòng, tổ chức cán bộ, kế hoạch tài chính và các vị trí việc làm không giữ chức danh nghề nghiệp chuyên ngành của đơn vị sự nghiệp công lập đăng ký dự thi.

- Đối với phụ lục cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức *(Mẫu số 01, 02)*. Cần đảm bảo nguyên tắc tổng số lượng công chức, viên chức hiện có và chỉ tiêu đăng ký dự thi không vượt quá nhu cầu cần có theo

yêu cầu vị trí việc làm ở từng ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức đăng ký dự thi.

- Đối với phụ lục danh sách công chức, viên chức đủ điều kiện dự thi *(Phụ lục 01, 02, 03, 04):*

+ Danh sách phải đảm bảo đầy đủ thông tin về điều kiện, tiêu chuẩn của ngạch, chức danh nghề nghiệp dự thi hoặc xét theo quy định. Trường hợp ô thông tin bị bỏ trống xem như công chức, viên chức không đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi.

+ Công chức, viên chức phải được bổ nhiệm ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định về mã số, tiêu chuẩn ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức hiện hành. Trường hợp công chức, viên chức còn giữ mã số ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức *(quy định tại các văn bản đã hết hiệu lực thi hành)* sẽ không đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi hoặc xét nâng ngạch, thăng hạng.

Nếu trường hợp nào đủ tiêu chuẩn, điều kiện, Thủ trưởng cơ quan có văn bản đề nghị kèm hồ sơ gửi về Phòng Nội vụ để thực hiện chuyển mã số ngạch công chức, viên chức theo quy định hiện hành đồng thời khi lập danh sách đề nghị đăng ký dự thi nâng ngạch, chức danh nghề nghiệp.

2. Thành phần hồ sơ cung cấp

- Công văn đề nghị, kèm các mẫu biểu đính kèm.

- Văn bằng, chứng chỉ theo tiêu chuẩn ngạch, chức danh nghề nghiệp.

- Chứng chỉ quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức.

- Quyết định bổ nhiệm ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức *(**lưu ý:** đảm bảo thời gian giữ ngạch công chức, chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định).*

- Văn bản, hồ sơ minh chứng:

+ Đối với công chức dự thi chuyên viên chính: việc tham gia xây dựng, thẩm định ít nhất 01 văn bản quy phạm pháp luật hoặc đề tài, đề án, dự án, chương trình nghiên cứu khoa học từ cấp cơ sở trở lên mà cơ quan sử dụng công chức được giao chủ trì nghiên cứu, xây dựng đã được cấp có thẩm quyền ban hành hoặc nghiệm thu *(**lưu ý:** theo hướng dẫn Sở Nội vụ thì Biên soạn lịch sử Đảng bộ cấp phường không được tính là đề án, đề tài,...).*

- Đối với viên chức dự thi thăng hạng II: phải đảm các yêu cầu về tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ theo chức danh nghề nghiệp *(cụ thể: giáo viên phải có các danh hiệu thi đua; huấn luyện viên trực tiếp đào tạo vận động viên phải đạt thành tích;...).*

3. Đề nghị Thủ trưởng các cơ quan gửi văn bản kèm hồ sơ rà soát, bổ sung, điều chỉnh chỉ tiêu và lập danh sách, cung cấp hồ sơ đăng ký kỳ thi nâng

ngạch công chức và thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2023 về Phòng Nội vụ ***trước 16 giờ 00, ngày 21 tháng 6 năm 2023*** *(đồng thời, phục vụ cho công tác tổng hợp, đề nghị đơn vị gửi tập tin các mẫu biểu định dạng *.EXCEL về hộp thư điện tử: tqhung.q1@tphcm.gov.vn)*. Trường hợp đơn vị không có văn bản phản hồi sau thời gian trên, xem như cơ quan, đơn vị không có nhu cầu nâng ngạch công chức và thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2023./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND quận: CT, các PCT;
- Đảng ủy 10 phường;
- Lưu: VT, Hg.

TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG NỘI VỤ
QUẬN 1 T.P HỒ CHÍ MINH

Ngô Hải Yến

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 01

DANH SÁCH CÔNG CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ THI NÂNG NGẠCH TỪ NGẠCH CHUYÊN VIÊN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG LÊN NGẠCH CHUYÊN VIÊN CHÍNH VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG NĂM 2023

(Đính kèm Đề án tổ chức thi nâng ngạch công chức và thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2023 ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-Ủy ban nhân dân ngày tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ ngạch (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng/chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch dự thi				Có đề án, đề tài	Miễn thi Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Ghi chú
		Ngày	Tháng	Năm					Mã số ngạch hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ				
305	Vũ Nguyễn Quang Vinh	9	1	1976		Phó Chủ tịch	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	01.003	4,65	Thạc sĩ, Quản trị kinh doanh	Chuyên viên chính	CNTT nâng cao	Cử nhân ngoại ngữ	x	x		
306	Ngô Đức Tuấn	29	6	1977		Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	01.003	4,32	Thạc sĩ Hành chính công	Chuyên viên chính	CNTT nâng cao	Cử nhân ngoại ngữ	x	x		
307	Nguyễn Trương Kiên Cường	13	5	1982		Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	01.003	3,99	Kỹ sư môi trường	Chuyên viên chính	CNTT nâng cao	Anh B1	x		Tiếng Anh	
308	Nguyễn Thị Quỳnh Triều	18	11	1983	x	Chủ tịch UBND phường Bến Thành	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	01.003	3,99	Thạc sĩ Luật học	Chuyên viên chính	B	Anh B1	x		Tiếng Anh	
309	Đỗ Hữu Cường	30	5	1983		Chủ tịch UBND phường Đa Kao	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	01.003	3,66	Thạc sĩ Luật	Chuyên viên chính	CNTT nâng cao	Cử nhân ngoại ngữ	x	x		
310	Nguyễn Võ Uyên Linh	8	10	1978	x	Chủ tịch UBND phường Cầu Ông Lãnh	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	01.003	3,99	CN Luật, CN chính trị học	Chuyên viên chính	Văn phòng	Anh B	x		Tiếng Anh	

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 02

DANH SÁCH CÔNG CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ THI NÂNG NGẠCH TỪ NGẠCH NHÂN VIÊN, CÁN SỰ VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG LÊN NGẠCH CHUYÊN VIÊN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG NĂM 2023

(Đính kèm Đề án tổ chức thi nâng ngạch công chức và thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2023 ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ ngạch (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng/chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch dự thi				Miễn thi Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Ghi chú
		Ngày	Tháng	Năm					Mã số ngạch hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ			
96	La Đình Bảo	12	4	1990		Nhân viên Đội Quản lý trật tự đô thị	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 3 năm	01.004	3,03	Đại học	Chuyên viên	A	Anh A2		Tiếng Anh	
97	Nguyễn Minh Dương	29	10	1981		Nhân viên Đội Quản lý trật tự đô thị	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 3 năm	01.004	3,34	Đại học	Chuyên viên	CNTT cơ bản	Anh A2		Tiếng Anh	
98	Nguyễn Phạm Huy Chương	8	3	1976		Nhân viên Đội Quản lý trật tự đô thị	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 3 năm	01.004	4,27	Đại học	Chuyên viên	CNTT cơ bản	Anh A2		Tiếng Anh	
99	Nguyễn Hoàng Long	4	11	1975		Chỉ huy trưởng BCH QS UBND phường Tân Định	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 3 năm	01.004	3,03	Đại học	Chuyên viên	A	Anh B1		Tiếng Anh	
100	Trần Hoài Nam Long	8	11	1986		Chỉ huy trưởng BCH QS phường Cầu Ông Lãnh	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 3 năm	01.004	2,72	Đại học	Chuyên viên	B	Anh B		Tiếng Anh	

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 04

DANH SÁCH VIÊN CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III, HẠNG V LÊN HẠNG IV NĂM 2023

(Đính kèm Đề án tổ chức thi nâng ngạch công chức và thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2023 ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-Ủy ban nhân dân ngày tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng/chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi				Miễn thi Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Ghi chú
		Ngày	Tháng	Năm					Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ			
464	Đặng Tấn Tài	11	8	1970		Phó Trưởng phòng Dịch vụ, Trung tâm Thể dục thể thao	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 3 năm	01.004	4,27	Cử nhân Hành chính	Chuyên viên	Trung cấp	Anh B		Tiếng Anh	
466	Lê Thị Đỗ Quyên	3	2	1975	x	Văn thư, Trường Tiểu học Nguyễn Thái Bình	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 3 năm	02.008	3,46	Đại học	Chuyên viên	CNTT nâng cao	Có khả năng sử dụng	x		Miễn theo tiêu chuẩn chức danh
467	Đỗ Nguyễn Quỳnh Nhi	29	9	1995	x	Văn thư, Trường Tiểu học Trần Hưng Đạo	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 3 năm	02.008	2,26	Đại học	Chuyên viên	CNTT cơ bản	Anh B	x		Miễn theo tiêu chuẩn chức danh
468	Nguyễn Thị Bích Tuyền	28	12	1991	x	Văn thư, Trường Tiểu học Nguyễn Bỉnh Khiêm	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 3 năm	02.008	2,26	Cử nhân điều dưỡng	Chuyên viên	CNTT nâng cao	Anh A2	x		Miễn theo tiêu chuẩn chức danh
469	Nguyễn Thị Huệ	21	2	1983	x	Kế toán viên trung cấp, Trường Trung học cơ sở Võ Trường Toản	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 3 năm	06.032	3,34	Đại học	Kế toán viên	CNTT cơ bản	Có khả năng sử dụng		Tiếng Anh	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng/chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi				Miễn thi Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Ghi chú
		Ngày	Tháng	Năm					Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ			
470	Nguyễn Thị Mỹ Dung	28	10	1980	x	Kế toán viên trung cấp, Trường Trung học cơ sở Minh Đức	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 3 năm	06.032	3,65	Đại học	Kế toán viên	CNTT cơ bản	Anh B		Tiếng Anh	

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục 03

DANH SÁCH VIÊN CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ HẠNG III LÊN HẠNG II NĂM 2023

(Đính kèm Đề án tổ chức thi nâng ngạch công chức và thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2023 ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-Ủy ban nhân dân ngày tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng/chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi				Có đề án / đề tài / danh hiệu	Miễn thi Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Ghi chú
		Ngày	Tháng	Năm					Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ yêu cầu	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ				
2452	Nguyễn Thị Hoài Thương	28	01	1989	x	Giáo viên Trường MN Hoa Quỳnh	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.02.26	3,34	Đại học	Chứng chỉ GVMN hạng II	CNTT nâng cao	Anh B1	x		Tiếng Anh	
2453	Dương Thị Kim Phượng	29	01	1970	x	Giáo viên Trường MN 30-4	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.02.26	4,89	Thạc sĩ	Chứng chỉ GVMN hạng II	CNTT nâng cao	Anh B	x		Tiếng Anh	
2454	Nguyễn Thị Thanh Mai	15	01	1971	x	Giáo viên Trường MN 30-4	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.02.26	3,34	Đại học	Chứng chỉ GVMN hạng II	CNTT nâng cao	Anh B	x		Tiếng Anh	
2455	Đỗ Nguyễn Hồng Thy	21	7	1973	x	Giáo viên Trường MN 30-4	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.02.26	4,56	Đại học	Chứng chỉ GVMN hạng II	CNTT nâng cao	Anh B	x		Tiếng Anh	
2456	Nguyễn Thị Thu Hằng	08	12	1987	x	Giáo viên Trường MN 30-4	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.02.26	3,03	Đại học	Chứng chỉ GVMN hạng II	A	Anh A	x		Tiếng Anh	
2457	Võ Thị Thanh Hồng	22	07	1986	x	Giáo viên Trường MN 30-4	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.02.26	3,03	Đại học	Chứng chỉ GVMN hạng II	CNTT nâng cao	Anh B	x		Tiếng Anh	
2458	Lê Thị Kim Thanh	09	03	1976	x	Giáo viên Trường MN 30-4	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.02.26	4,58	Đại học	Chứng chỉ GVMN hạng II	CNTT nâng cao	Anh A	x		Tiếng Anh	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng/chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi				Có đề án / đề tài / danh hiệu	Miễn thi Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Ghi chú
		Ngày	Tháng	Năm					Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ yêu cầu	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ				
2459	Lâm Phương Thảo	02	11	1986	x	Giáo viên Trường MN 30-4	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.02.26	4,89	Đại học	Chứng chỉ GVMN hạng II	CNTT cơ bản	Anh B	x		Tiếng Anh	
2460	Trần Thị Minh Hoa	10	08	1972	x	Phó Hiệu trưởng Trường MN Bé Ngoan	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.02.26	4,89	Thạc sĩ	Chứng chỉ GVMN hạng II	CNTT nâng cao	Anh B1	x		Tiếng Anh	
2461	Nguyễn Thị Thanh Thảo	20	07	1985	x	Giáo viên Trường MN Bé Ngoan	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.02.26	3,34	Đại học	Chứng chỉ GVMN hạng II	CNTT nâng cao	Anh B	x		Tiếng Anh	
2462	Dương Thị Ngọc Yến	05	09	1978	x	Giáo viên Trường MN Bé Ngoan	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.02.26	4,58	Đại học	Chứng chỉ GVMN hạng II	CNTT nâng cao	Anh B1	x		Tiếng Anh	
2463	Nguyễn Thị Kim Anh	4	11	1984	x	Giáo viên Trường MN Lê Thị Riêng	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.02.26	3,65	Đại học	Chứng chỉ GVMN hạng II	CNTT cơ bản	Anh A2	x		Tiếng Anh	
2464	Huỳnh Thị Hoàng Anh	18	7	1988	x	Giáo viên Trường MN Lê Thị Riêng	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.02.26	3,34	Đại học	Chứng chỉ GVMN hạng II	CNTT nâng cao	Anh A2	x		Tiếng Anh	
2465	Đào Thị Kim Ngân	4	6	1989	x	Giáo viên Trường MN Lê Thị Riêng	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.02.26	3,03	Đại học	Chứng chỉ GVMN hạng II	CNTT cơ bản	Anh A2	x		Tiếng Anh	
2466	Nguyễn Thị Như Văn	5	12	1981	x	Phó Hiệu trưởng Trường MN Hoa Lư	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.02.26	4,27	Đại học	Chứng chỉ GVMN hạng II	CNTT cơ bản	Anh B	x		Tiếng Anh	
2467	Huỳnh Hải Yến	28	8	1985	x	Giáo viên Trường MN Hoa Lư	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.02.26	3,34	Đại học	Chứng chỉ GVMN hạng II	CNTT cơ bản	Anh B	x		Tiếng Anh	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng/chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi				Có đề án / đề tài / danh hiệu	Miễn thi Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Ghi chú
		Ngày	Tháng	Năm					Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ yêu cầu	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ				
2468	Lưu Thị Phương Thanh	7	5	1985	x	Giáo viên Trường MN Hoa Lư	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.02.26	3,65	Đại học	Chứng chỉ GVMN hạng II	CNTT cơ bản	Anh B	x		Tiếng Anh	
2469	Nguyễn Thị Thanh Yên	2	11	1986	x	Giáo viên Trường MN Hoa Lư	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.02.26	3,34	Đại học	Chứng chỉ GVMN hạng II	CNTT cơ bản	Anh B	x		Tiếng Anh	
2470	Nguyễn Thị Quỳnh Mai	10	11	1985	x	Giáo viên Trường MN Hoa Lư	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.02.26	3,34	Đại học	Chứng chỉ GVMN hạng II	CNTT cơ bản	Anh B	x		Tiếng Anh	
2471	Lê Thị Hồng Ngọc	19	2	1974	x	Giáo viên Trường MN Nguyễn Thái Bình	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.02.26	3,03	Đại học	Chứng chỉ GVMN hạng II	CNTT nâng cao	Anh B	x		Tiếng Anh	
2472	Võ Thị Hải Đường	29	9	1977	x	Giáo viên Trường MN Nguyễn Thái Bình	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.02.26	4,58	Đại học	Chứng chỉ GVMN hạng II	CNTT nâng cao	Anh B	x		Tiếng Anh	
2473	Trần Thị Thu Trang	12	7	1980	x	Phó Hiệu trưởng Trường MN Hoa Lan	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.02.26	3,03	Đại học	Chứng chỉ GVMN hạng II	CNTT nâng cao	Anh B1	x		Tiếng Anh	
2474	Hứa Thị Mỹ Linh	28	03	1974	x	Giáo viên Trường MN Tuổi Hồng	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.02.26	4,58	Đại học	Chứng chỉ GVMN hạng II	CNTT nâng cao	Anh B	x		Tiếng Anh	
2475	Trần Thị Mai Trang	12	10	1975	x	Giáo viên Trường MN Tuổi Hồng	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.02.26	4,27	Đại học	Chứng chỉ GVMN hạng II	CNTT nâng cao	Anh B	x		Tiếng Anh	
2476	Võ Thị Mai Trang	22	03	1990	x	Giáo viên Trường MN Tuổi Hồng	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.02.26	3,03	Đại học	Chứng chỉ GVMN hạng II	CNTT nâng cao	Anh B	x		Tiếng Anh	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng/chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi				Có đề án / đề tài / danh hiệu	Miễn thi Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Ghi chú
		Ngày	Tháng	Năm					Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ yêu cầu	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ				
2477	Nguyễn Thị Ngọc Phi	30	08	1982	x	Giáo viên Trường MN Tuổi Hồng	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.02.26	3,34	Đại học	Chứng chỉ GVMN hạng II	CNTT nâng cao	Anh B	x		Tiếng Anh	
2478	Huỳnh Kim Hương	20	04	1978	x	Giáo viên Trường MN Tuổi Hồng	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.02.26	3,65	Đại học	Chứng chỉ GVMN hạng II	CNTT nâng cao	Anh B	x		Tiếng Anh	
2479	Lê Thị Lệ Thủy	25	9	1971	x	Giáo viên Trường MN Phạm Ngũ Lão	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.02.26	4,89	Đại học	Chứng chỉ GVMN hạng II	CNTT nâng cao	Anh A	x		Tiếng Anh	
2480	Nguyễn Thị Thúy Hường	29	12	1974	x	Giáo viên Trường MN Phạm Ngũ Lão	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.02.26	4,58	Đại học	Chứng chỉ GVMN hạng II	CNTT cơ bản	Anh B	x		Tiếng Anh	
2481	Lê Điệp Phương Hồng	1	12	1968	x	Giáo viên Trường MN Phạm Ngũ Lão	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.02.26	4,89	Đại học	GVMN hạng II	CNTT nâng cao	Anh B	x	x		Còn dưới 5 năm công tác
2482	Nguyễn Thị Thanh	2	10	1983	x	Giáo viên Trường MN Phạm Ngũ Lão	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.02.26	3,03	Thạc sĩ	Chứng chỉ GVMN hạng II	CNTT nâng cao	Anh B1	x		Tiếng Anh	
2483	Huỳnh Thanh Liễu	02	10	1971	x	Phó Hiệu trưởng Trường MN 20/10	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.02.26	4,89 VK 7%	Đại học	Chứng chỉ GVMN hạng II	CNTT nâng cao	Anh B1	x		Tiếng Anh	
2484	Trần Thị Út	10	8	1973	x	Phó Hiệu trưởng Trường MN Bến Thành	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.02.26	3,96	Đại học	Chứng chỉ GVMN hạng II	CNTT nâng cao	Anh B1	x		Tiếng Anh	
2485	Võ Thị Trúc Phương	6	11	1981	x	Giáo viên Trường MN Bến Thành	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.02.26	3,96	Đại học	Chứng chỉ GVMN hạng II	CNTT cơ bản	Anh B	x		Tiếng Anh	
2486	Võ Văn Dũng	21	4	1970		Giáo viên Trường TH Hòa Bình	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.03.29	4,98	Đại học	CC GVTH hạng II	CNTT nâng cao	Anh B1	x		Tiếng Anh	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng/chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi				Có đề án / đề tài / danh hiệu	Miễn thi Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Ghi chú
		Ngày	Tháng	Năm					Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ yêu cầu	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ				
2487	Lê Anh Tuyến	14	9	1977	x	Giáo viên Trường TH Nguyễn Huệ	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.03.29	4,32	Đại học	CC GVTH hạng II	CNTT nâng cao	Anh B	x		Tiếng Anh	
2488	Lê Thị Thùy Trâm	11	10	1976	x	Giáo viên Trường TH Nguyễn Huệ	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.03.29	4,98	Đại học	CC GVTH hạng II	CNTT cơ bản	Anh B	x		Tiếng Anh	
2489	Cao Thị Hà	20	11	1978	x	Phó Hiệu trưởng Trường TH Nguyễn Thái Bình	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.03.29	4,32	Thạc sĩ	CC GVTH hạng II	CNTT nâng cao	Anh B1	x		Tiếng Anh	
2490	Nhan Thị Hoàng Lan	23	07	1988	x	Giáo viên Trương TH Nguyễn Thái Bình	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.03.29	3,33	Đại học	CC GVTH hạng II	CNTT cơ bản	Anh B	x		Tiếng Anh	
2491	Hồng Ái Hoàng	24	01	1971	x	Giáo viên Trương TH Nguyễn Thái Bình	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.03.29	4,98	Đại học	CC GVTH hạng II	CNTT nâng cao	Cao đẳng sư phạm Anh	x		Tiếng Anh	
2492	Đặng Thị Tặng	01	01	1984	x	Giáo viên Trương TH Nguyễn Thái Bình	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.03.29	3,33	Đại học	CC GVTH hạng II	CNTT nâng cao	Anh B	x		Tiếng Anh	
2493	Lưu Thị Huỳnh Vân	02	02	1976	x	Giáo viên Trương TH Nguyễn Thái Bình	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.03.29	3,34	Đại học	CC GVTH hạng II	B	Anh A	x		Tiếng Anh	
2494	Nguyễn Thị Thúy Loan	08	07	1969	x	Giáo viên Trương TH Nguyễn Thái Học	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.03.29	4,89	Đại học	CC GVTH hạng II	CNTT cơ bản	Anh A	x		Tiếng Anh	
2495	Hàng Thiên Trang	02	01	1974	x	Giáo viên Trương TH Nguyễn Thái Học	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.03.29	4,58	Đại học	CC GVTH hạng II	CNTT nâng cao	Anh B1	x		Tiếng Anh	
2496	Lý Thiên Kim	29	5	1984	x	Giáo viên Trường TH Trần Hưng Đạo	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.03.29	3,66	Đại học	CC GVTH hạng II	CNTT nâng cao	Anh A2	x		Tiếng Anh	
2497	Lê Trung Vũ Phương	28	07	1982		Giáo viên Trường TH Chương Dương	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.03.29	3,99	Đại học	CC GVTH hạng II	CNTT nâng cao	Anh B	x		Tiếng Anh	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng/chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi				Có đề án / đề tài / danh hiệu	Miễn thi Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Ghi chú
		Ngày	Tháng	Năm					Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ yêu cầu	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ				
2498	Lê Ngọc Thảo	11	10	1984	x	Giáo viên Trường TH Chương Dương	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.03.29	3,66	Đại học	CC GVTH hạng II	CNTT cơ bản	Anh B	x		Tiếng Anh	
2499	Trần Thị Tường Vân	15	07	1985	x	Giáo viên Trường TH Chương Dương	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.03.29	3,66	Đại học	CC GVTH hạng II	CNTT cơ bản	Anh B	x		Tiếng Anh	
2500	Trương Thị Bích Ngọc	22	8	1971	x	Giáo viên Trường TH Nguyễn Bỉnh Khiêm	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.03.29	4,98	Đại học	CC GVTH hạng II	CNTT nâng cao	Anh A2	x		Tiếng Anh	
2501	Đỗ Xuân Trường	20	1	1972		Giáo viên Trường TH Nguyễn Bỉnh Khiêm	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.03.29	4,98	Đại học	CC GVTH hạng II	A	Anh A2	x		Tiếng Anh	
2502	Trần Trọng Thịnh	26	11	1977		Giáo viên Trường TH Nguyễn Bỉnh Khiêm	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.03.29	4,98	Đại học	CC GVTH hạng II	CNTT nâng cao	Anh B1	x		Tiếng Anh	
2503	Lê Thị Hồng Phượng	20	3	1979	x	Giáo viên Trường TH Nguyễn Bỉnh Khiêm	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.03.29	3,99	Đại học	CC GVTH hạng II	CNTT nâng cao	Anh B1	x		Tiếng Anh	
2504	Nguyễn Văn Đông	13	10	1979		Giáo viên Trường TH Nguyễn Bỉnh Khiêm	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.03.29	3,33	Đại học	CC GVTH hạng II	CNTT nâng cao	Anh B1	x		Tiếng Anh	
2505	Phan Trần Thuý Mộng	1	1	1990	x	Giáo viên Trường THCS Huỳnh Khương Ninh	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	3,03	Đại học	Giáo viên THCS hạng II	CNTT cơ bản	Anh B1	x		Tiếng Anh	
2506	Nguyễn Thị Hai	15	4	1990	x	Giáo viên Trường THCS Huỳnh Khương Ninh	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	3,03	Đại học	Giáo viên THCS hạng II	CNTT cơ bản	Anh B1	x		Tiếng Anh	
2507	Trần Hoàng Đan Phượng	2	8	1986	x	Giáo viên Trường THCS Huỳnh Khương Ninh	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	3,34	Đại học	Giáo viên THCS hạng II	B	Cử nhân ngoại ngữ	x	x		

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng/chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi				Có đề án / đề tài / danh hiệu	Miễn thi Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Ghi chú
		Ngày	Tháng	Năm					Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ yêu cầu	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ				
2508	Huỳnh Thị Ngọc Huyền	12	04	1988	x	Giáo viên Trường THCS Huỳnh Khương Ninh	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	3,03	Đại học	Giáo viên THCS hạng II	CNTT cơ bản	Anh B1	x		Tiếng Anh	
2509	Bùi Trung Đỉnh	12	09	1991		Giáo viên Trường THCS Trần Văn Ơn	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	3,03	Đại học	Giáo viên THCS hạng II	CNTT nâng cao	Anh B1	x		Tiếng Anh	
2510	Phạm Thị Thanh Trang	15	10	1989	x	Giáo viên Trường THCS Trần Văn Ơn	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	3,03	Thạc sĩ	Giáo viên THCS hạng II	CNTT cơ bản	Anh B	x		Tiếng Anh	
2511	Dương Thị Minh Hương	02	06	1977	x	Giáo viên Trường THCS Trần Văn Ơn	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	3,96	Đại học	Giáo viên THCS hạng II	CNTT cơ bản	Anh B	x		Tiếng Anh	
2512	Nguyễn Ngọc Anh Huy	12	10	1969		Giáo viên Trường THCS Trần Văn Ơn	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	4,89	Đại học	Giáo viên THCS hạng II	Đại học	Tiếng Anh - B2	x		Tiếng Anh	
2513	Lê Thị Mỹ Loan	14	11	1986	x	Giáo viên Trường THCS Trần Văn Ơn	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	3,03	Đại học	Giáo viên THCS hạng II	A	Anh B	x		Tiếng Anh	
2514	Lê Thúy Vi	26	04	1986	x	Giáo viên Trường THCS Trần Văn Ơn	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	3,65	Đại học	Giáo viên THCS hạng II	CNTT nâng cao	Anh B	x		Tiếng Anh	
2515	Võ Thị Tuyết Phượng	26	11	1987	x	Giáo viên Trường THCS Trần Văn Ơn	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 6 năm (ThS trước khi tuyển dụng)	V.07.04.32	3,03	Thạc sĩ	CDNN hạng II	CNTT cơ bản	Anh B1	x		Tiếng Anh	
2516	Đỗ Phạm Vân Anh	20	2	1988	x	Giáo viên Trường THCS Võ Trường Toản	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	3,03	Đại học	CDNN Hạng II	Đại học	Anh B1	x		Tiếng Anh	
2517	Huỳnh Anh Thư	8	8	1983	x	Giáo viên Trường THCS Võ Trường Toản	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	3,34	Đại học	CDNN Hạng II	A	Có khả năng sử dụng ngoại ngữ	x		Tiếng Anh	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng/chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi				Có đề án / đề tài / danh hiệu	Miễn thi Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Ghi chú
		Ngày	Tháng	Năm					Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ yêu cầu	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ				
2518	Huỳnh Thanh Duy	15	12	1989		Giáo viên Trường THCS Võ Trường Toản	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	3,03	Đại học	CDNN Hạng II	A	Anh B1	x		Tiếng Anh	
2519	Trần Kim Dung	31	8	1990	x	Giáo viên Trường THCS Võ Trường Toản	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	3,03	Đại học	CDNN Hạng II	CNTT cơ bản	HSK 4	x		Tiếng Trung	
2520	Trần Minh Thuận	16	3	1991		Giáo viên Trường THCS Võ Trường Toản	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	3,03	Đại học	CDNN Hạng II	CNTT cơ bản	Anh B	x		Tiếng Anh	
2521	Nguyễn Hà Tường Thụy	17	10	1982		Giáo viên Trường THCS Võ Trường Toản	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	3,65	Đại học	CDNN Hạng II	Đại học	Anh B1	x		Tiếng Anh	
2522	Dương Thị Hồng Thơm	4	11	1978	x	Giáo viên Trường THCS Võ Trường Toản	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	4,27	Đại học	CDNN Hạng II	CNTT cơ bản	Anh B1	x		Tiếng Anh	
2523	Vũ Thùy Trang	21	1	1983	x	Giáo viên Trường THCS Võ Trường Toản	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	3,65	Đại học	CDNN Hạng II	A	Anh B1	x		Tiếng Anh	
2524	Nguyễn Thị Thu Sang	28	7	1989	x	Giáo viên Trường THCS Võ Trường Toản	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 6 năm (ThS trước khi tuyển dụng)	V.07.04.32	2,72	Thạc sĩ	CDNN Hạng II	CNTT cơ bản	Anh B1	x		Tiếng Anh	
2525	Lê Thị Cúc	26	9	1991	x	Giáo viên Trường THCS Minh Đức	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	3,03	Đại học	Giáo viên THCS hạng II	CNTT cơ bản	Anh B	x		Tiếng Anh	
2526	Nguyễn Thị Ngọc Hương	27	5	1988	x	Giáo viên Trường THCS Minh Đức	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	3,03	Đại học	Giáo viên THCS hạng II	Đại học	Anh B	x		Tiếng Anh	
2527	Võ Hoàng Mỹ Vy	5	10	1991	x	Giáo viên Trường THCS Đồng Khởi	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	3,03	Đại học	Giáo viên THCS hạng II	CNTT cơ bản	Tiếng Anh - B2	x		Tiếng Anh	
2528	Nguyễn Đặng Trung Hiếu	13	8	1974		Giáo viên Trường THCS Đồng Khởi	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	4,58	Đại học	Giáo viên THCS hạng II	IC3	Anh B1	x		Tiếng Anh	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng/chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi				Có đề án / đề tài / danh hiệu	Miễn thi Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Ghi chú
		Ngày	Tháng	Năm					Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ yêu cầu	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ				
2529	Vương Minh Thành	2	10	1987		Giáo viên Trường THCS Đồng Khởi	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	3,34	Đại học	Giáo viên THCS hạng II	IC3	Anh B1	x		Tiếng Anh	
2530	Nguyễn Thị Thu Hằng	3	5	1987	x	Giáo viên Trường THCS Đồng Khởi	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	3,34	Đại học	Giáo viên THCS hạng II	CNTT nâng cao	Anh B1	x		Tiếng Anh	
2531	Vũ Thị Thúy Nga	18	2	1979	x	Giáo viên Trường THCS Đồng Khởi	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	3,65	Đại học	Giáo viên THCS hạng II	CNTT cơ bản	Anh B	x		Tiếng Anh	
2532	Trần Ngọc Trí	22	12	1985		Giáo viên Trường THCS Đồng Khởi	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	3,03	Đại học	Giáo viên THCS hạng II	CNTT cơ bản	Anh B1	x		Tiếng Anh	
2533	Nguyễn Công Phúc Khánh	31	01	1989		Phó Hiệu trưởng Trường THCS Nguyễn Du	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	3,34	Thạc sĩ	Giáo viên THCS hạng II	Modulle Nâng cao	Cử nhân ngoại ngữ	x	x		
2534	Trần Đắc Thắng	06	09	1977		Giáo viên Trường THCS Nguyễn Du	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	3,34	Đại học	Giáo viên THCS hạng II	Đại học	Anh B	x		Tiếng Anh	
2535	Đinh Thị Luyến	25	3	1979	x	Giáo viên Trường THCS Nguyễn Du	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	3,34	Đại học	Giáo viên THCS hạng II	CNTT cơ bản	Anh B	x		Tiếng Anh	
2536	Đặng Hữu Trí	31	10	1991		Giáo viên Trường THCS Nguyễn Du	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	3,03	Thạc sĩ	Giáo viên THCS hạng II	CNTT nâng cao	Anh B1	x		Tiếng Anh	
2537	Lê Thị Huyền Phi	09	05	1991	x	Giáo viên Trường THCS Nguyễn Du	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	3,03	Đại học	Giáo viên THCS hạng II	CNTT cơ bản	Anh B	x		Tiếng Anh	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng/chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi				Có đề án / đề tài / danh hiệu	Miễn thi Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Ghi chú
		Ngày	Tháng	Năm					Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ yêu cầu	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ				
2538	Cao Thị Ánh Ngọc	15	10	1991	x	Giáo viên Trường THCS Nguyễn Du	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	3,03	Thạc sĩ	Giáo viên THCS hạng II	CNTT cơ bản	Anh B	x		Tiếng Anh	
2539	Nguyễn Văn Trung	15	1	1988		Giáo viên Toán Trường trung học cơ sở Văn Lang	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	3,03	Thạc sĩ	Giáo viên THCS hạng II	CNTT nâng cao	Anh B1	x		Tiếng Anh	
2540	Phạm Lê Hải Đăng	11	10	1979		Giáo viên Toán Trường trung học cơ sở Văn Lang	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	3,96	Đại học	Giáo viên THCS hạng II	CNTT nâng cao	Anh A	x		Tiếng Anh	
2541	Hồ Châu Lý	07	7	1966		Giáo viên Tin học Trường trung học cơ sở Văn Lang	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	4,89	Đại học	Giáo viên THCS hạng II	Đại học	Cao đẳng sư phạm Anh	x		Tiếng Anh	
2542	Trương Quốc Hưng	15	9	1965		Hiệu trưởng Trường THCS Đức Trí	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	4,89	Đại học	Giáo viên THCS hạng II	Đại học	Anh B1	x		Tiếng Anh	
2543	Đặng Hoàng Nguyên	23	3	1987		Giáo viên Trường THCS Đức Trí	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	3,34	Đại học	Giáo viên THCS hạng II	Đại học	Anh B1	x		Tiếng Anh	
2544	Phạm Thị Kim Hoa	6	12	1990	x	Giáo viên Trường THCS Đức Trí	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	3,3	Đại học	Giáo viên THCS hạng II	A	Anh B1	x		Tiếng Anh	
2545	Lê Ngọc Thức	11	04	1990		Giáo viên Trường THCS Đức Trí	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	3,34	Đại học	Giáo viên THCS hạng II	A	Anh B1	x		Tiếng Anh	
2546	Trần Hải Đăng	16	2	1986		Giáo viên Trường THCS Đức Trí	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	3,03	Đại học	Giáo viên THCS hạng II	A	Anh B	x		Tiếng Anh	

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng/chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi				Có đề án / đề tài / danh hiệu	Miễn thi Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Ghi chú
		Ngày	Tháng	Năm					Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Chứng chỉ yêu cầu	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ				
2547	Nguyễn Thị Thanh Hiếu	23	6	1990	x	Giáo viên Trường THCS Đức Trí	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	3,03	Đại học	Giáo viên THCS hạng II	A	Anh B1	x		Tiếng Anh	
2548	Phan Tấn Đại	14	3	1990		Giáo viên Trường THCS Đức Trí	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	3,03	Đại học	Giáo viên THCS hạng II	A	Anh B1	x		Tiếng Anh	
2549	Tăng Thị Hạnh	31	10	1986	x	Giáo viên THCS Chu Văn An	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	3,03	Đại học	Giáo viên THCS hạng II	Đại học	Cử nhân ngoại ngữ	x	x		
2550	Lê Nguyễn Thái Xuyên	30	8	1984	x	Giáo viên THCS Chu Văn An	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.07.04.32	3,03	Đại học	Giáo viên THCS hạng II	Đại học	Tiếng Anh - C	x		Tiếng Anh	
2551	Đào Huy Hùng	6	12	1971		Huấn luyện viên	Ủy ban nhân dân Quận 1	> 9 năm	V.10.01.03	4,32	Thạc sĩ	HLVC hạng II	B	Anh B1	x		Tiếng Anh	

Mẫu 01

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC HIỆN CÓ VÀ SỐ LƯỢNG CÔNG CHỨC CÒN THIẾU ỨNG VỚI NGẠCH DỰ THI THEO YÊU CẦU CỦA VỊ TRÍ VIỆC LÀM

Số TT	Tên cơ quan, đơn vị	Tên ngạch	Số lượng công chức hiện có					Nhu cầu bố trí theo vị trí việc làm					Đăng ký chỉ tiêu nâng ngạch				Số công chức đủ điều kiện dự thi	
			CVCC và tương đương	CVC và tương đương	CV và tương đương	CS và tương đương	Nhân viên	CVCC và tương đương	CV và tương đương	CVC và tương đương	CS và tương đương	Nhân viên	CVC và tương đương		CV và tương đương		CVC và tương đương	CV và tương đương
													Số thiếu theo VTVL	Chỉ tiêu đăng ký	Số thiếu theo VTVL	Chỉ tiêu đăng ký		
1		Chuyên viên																
2		Thanh tra viên																
3		Kiểm lâm viên																
4		Kế toán viên																
...		.....																

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Mẫu 02

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỐ LƯỢNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC HIỆN CÓ VÀ ĐỀ XUẤT SỐ LƯỢNG VIÊN CHỨC THĂNG HẠNG THEO YÊU CẦU VỊ TRÍ VIỆC LÀM

TT	Tên cơ quan, đơn vị	Tên chức danh nghề nghiệp	Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có				Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức			Số viên chức đủ điều kiện thăng hạng		
			Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng I	Hạng II	Hạng III
1		Hành chính										
2		Giáo dục và Đào tạo										
3		Tài nguyên và môi trường										
4		Văn hóa và thể thao										
5		Y tế										
6		...										

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Phụ lục 01

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÔNG CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ THI NÂNG NGẠCH TỪ NGẠCH CHUYÊN VIÊN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG LÊN NGẠCH CHUYÊN VIÊN CHÍNH VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG NĂM 2023

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ ngạch (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng. chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch dự thi				Có đề án, đề tài	Miễn thi Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Ghi chú
		Ngày	Tháng	Năm					Mã số ngạch hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ				
I	LĨNH VỰC NỘI VỤ (HÀNH CHÍNH, VĂN THƯ, LƯU TRỮ)																	
II	LĨNH VỰC TÀI CHÍNH (KẾ TOÁN)																	
III	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN																	
IV	LĨNH VỰC THANH TRA																	

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

* *Ghi số tháng giữ ngạch (và tương đương)*

Phụ lục 02

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÔNG CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ THI NÂNG NGẠCH TỪ NGẠCH NHÂN VIÊN, CÁN SỰ VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG LÊN NGẠCH CHUYÊN VIÊN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG NĂM 2023

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ ngạch (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng. chứng chỉ theo yêu cầu của ngạch dự thi				Có đề án, đề tài	Miễn thi Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Ghi chú
		Ngày	Tháng	Năm					Mã số ngạch hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ				
I	LĨNH VỰC NỘI VỤ (HÀNH CHÍNH, VĂN THƯ, LƯU TRỮ)																	
II	LĨNH VỰC TÀI CHÍNH (KẾ TOÁN)																	
III	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN																	
IV	LĨNH VỰC THANH TRA																	

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

* *Ghi số tháng giữ ngạch (và tương đương)*

Phụ lục 03

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VIÊN CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ HẠNG III LÊN HẠNG II NĂM 2023

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng. chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi				Có đề án, đề tài	Miễn thi Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Ghi chú
		Ngày	Tháng	Năm					Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ				
I	LĨNH VỰC NỘI VỤ (HÀNH CHÍNH, VĂN THƯ, LƯU TRỮ)***																	
II	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO																	
III	Y TẾ																	
IV	VĂN HÓA VÀ THỂ THAO																	
…																		

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

* *Ghi số tháng giữ CDNN (và tương đương)*

Phụ lục 04

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH VIÊN CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN DỰ THI HOẶC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP TỪ HẠNG IV LÊN HẠNG III NĂM 2023

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh			Nữ	Chức vụ hoặc chức danh công tác	Cơ quan đơn vị đang làm việc	Thời gian giữ CDNN (kể cả ngạch tương đương)*	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng. chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN dự thi				Có đề án, đề tài	Miễn thi Ngoại ngữ	Ngoại ngữ đăng ký dự thi	Ghi chú
		Ngày	Tháng	Năm					Mã số CDNN hiện giữ	Hệ số lương	Trình độ chuyên môn	Trình độ QLNN	Trình độ tin học	Trình độ ngoại ngữ				
I	LĨNH VỰC NỘI VỤ (HÀNH CHÍNH, VĂN THƯ, LƯU TRỮ)***																	
II	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO																	
III	Y TẾ																	
IV	VĂN HÓA VÀ THỂ THAO																	
…																		

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

* *Ghi số tháng giữ CDNN (và tương đương)*